

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 121/ĐTV/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI TÂN VIỆT

Địa chỉ: 145 Tôn Thất Đạm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 02862883535 Fax: 02862883536

E-mail: info@newviet.vn

Mã số doanh nghiệp: 0302505776

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: KHOAI TÂY CẮT THẲNG
- Thành phần: Khoai tây (95%), dầu cọ, chất điều chỉnh độ axit (Disodium Dihydrogen Pyrophosphate INS 450(i)), dextrose
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 730 ngày kể từ ngày sản xuất.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:  
Quy cách đóng gói: khối lượng tịnh 2 kg/ gói  
Chất liệu bao bì: bao bì nhựa PE chuyên dùng cho thực phẩm. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo yêu cầu của Bộ Y Tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi: JRS India Corporation Private Limited

Địa chỉ: Survey No - 46-49, 53-63, 72-76, 79-93, 100, 101, 106 Village Sabalpura, Taluka Viramgam, & Survey No - 132 Village Jaspura, Taluka - Detroj-Rampura, District - Ahmedabad, Gujarat, 382845, India

Xuất xứ: Ấn Độ

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty cổ phần Đại Tân Việt kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm:



**1. Chỉ tiêu vi sinh:** theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất

| STT | Tên chỉ tiêu                  | Đơn vị tính | Mức công bố |
|-----|-------------------------------|-------------|-------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật khiêu khí | cfu/g       | < 500000    |
| 2   | E.coli                        | cfu/g       | < 1000      |
| 3   | Staphylococcus aureus         | cfu/g       | < 100       |
| 4   | Tổng men mốc                  | cfu/g       | < 1000      |
| 5   | Enterobacteriaceae            | cfu/g       | < 300       |

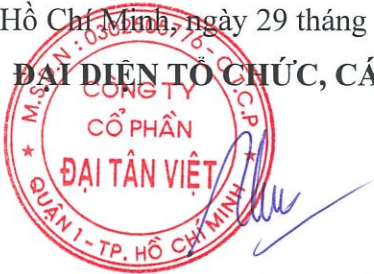
**2. Chỉ tiêu kim loại nặng:** theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm QCVN 8-2:2011/BYT

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|--------------|-------------|------------|
| 1   | Cadmi (Cd)   | mg/kg       | 0,1        |
| 2   | Chì (Pb)     | mg/kg       | 0,1        |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**



**HUỲNH TUYẾT PHƯƠNG**





## KHOAI TÂY CẮT THẲNG

SẢN XUẤT BỞI: JRS India Corporation Private Limited -  
Survey No - 46-49, 53-63, 72-76, 79-93, 100, 101, 106 Village  
Sabalpura, Taluka Viramgam, & Survey No-132 Village  
Jaspura, Taluka - Detroj-Rampura, District - Ahmedabad,  
Gujarat, 382845, India - XUẤT XỨ: Ấn Độ - THÀNH PHẦN:  
Khoai tây (95%), dầu cọ, chất điều chỉnh độ axit (INS 450(i)),  
dextrose - HD SỬ DỤNG: Không rã đông. Chiên ngập dầu ở  
175 °C khoảng 2,5-3 phút. Đảm bảo tâm sản phẩm là 74 °C -  
HD BẢO QUẢN: tại hoặc dưới -18 °C - CẢNH BÁO: sản phẩm  
có thể chứa dạng vết sản phẩm lúa mì - KHỐI LƯỢNG TỊNH: 2  
kg/ gói - HSD: xem 'Expiration Date' (năm.tháng.ngày) trên bao  
bì - NSX: xem 'Production Date' (năm.tháng.ngày) trên bao bì



Nhập khẩu và phân phối bởi:  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI TÂN VIỆT (NEW VIET DAIRY)  
145 Tôn Thất Đạm, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel: 028 6288 3535  
Mã hàng: 9749SLFW

|                                   | Soạn thảo                                                                                                 | Phê duyệt                                                                                                   |
|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phiên bản: 01<br>Ngày: 29/10/2024 | <br>Đinh Ngọc Mỹ Duyên | <br>Huỳnh Tuyết Phương |

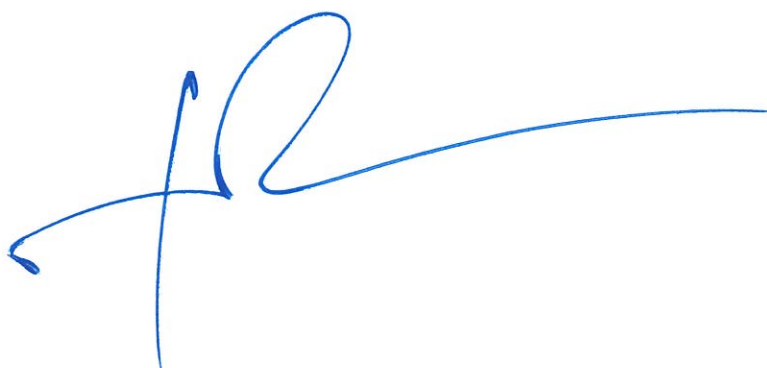
TÀI LIỆU TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

## KHOAI TÂY CẮT THẲNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI TÂN VIỆT  
Đại diện công ty

(đã ký và đóng dấu)

HUỲNH TUYẾT PHƯƠNG  
GIÁM SÁT QA



|         |                                                                       |                                       |
|---------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| Simplot | Tập đoàn thực phẩm Simplot<br>Tiêu chuẩn kỹ thuật dành cho khách hàng | <b>BẢN DỊCH</b><br><b>TRANSLATION</b> |
|---------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|

SKU: 10071179053330 Simplot® Blue Ribbon™ Khoai tây chiên đông lạnh cắt thẳng 3/8" 6/2kg (9mm) 3/25/2024 11:40:12 PM

Mã ngày:

| Thuộc tính | Mô tả thuộc tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã ngày:   | Dòng 1: BN:DDMMYYGUJ LL HH:MM (giờ quân sự) ("BN" là viết tắt của Số lô và phải được bao gồm ở đầu mã) Dòng 2: Ngày sản xuất/PKD: YYYY.MM.DD (Bao gồm các từ "Ngày sản xuất/PKD" trong mã.) Dòng 3: Ngày hết hạn/HẾT HẠN: YYYY.MM.DD (Bao gồm các từ "HẾT HẠN/HẾT HẠN" trong mã.) Mỗi chữ số phải được in đầy đủ và dễ đọc. Sản phẩm yêu cầu túi dễ mở có đường rãnh mà không có mũi tên in. Mã hộp phải được in ở phần trên của mặt dài. |

Yêu cầu về dị vật:

| Thuộc tính | Mô tả thuộc tính                            |
|------------|---------------------------------------------|
| Dị vật     | Sản phẩm không được chứa bất kỳ dị vật nào. |

Yêu cầu về vật lý:

| Thuộc tính                  | Mô tả thuộc tính                                                                              | Giới hạn                                                                | Phương pháp |
|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|
| Lỗi nghiêm trọng            | Bất kỳ màu xanh đậm                                                                           | Tối đa: 0 đơn vị                                                        |             |
| Lỗi lớn                     |                                                                                               | Tối đa: 9 đơn vị<br>Mục tiêu: 4 đơn vị                                  |             |
| Tổng số lỗi                 |                                                                                               | Tối đa: 40 đơn vị<br>Mục tiêu: 20 đơn vị                                |             |
| %>=3"                       |                                                                                               | Mục tiêu: 35% theo số lượng<br>Tối thiểu: 30% theo số lượng             |             |
| %<2"                        |                                                                                               | Tối đa: 20% theo số lượng<br>Mục tiêu: 15% theo số lượng                |             |
| Nhiệt độ sản phẩm đông lạnh |                                                                                               | Tối đa: -6 °C<br>Mục tiêu: -10 °C<br>Tối thiểu: -23 °C                  |             |
| Màu đông lạnh               |                                                                                               | Tối đa: 100 Điểm màu<br>Mục tiêu: 80 Điểm màu<br>Tối thiểu: 65 Điểm màu |             |
| Màu hoàn thiện              |                                                                                               | Tối đa: 71 Điểm màu<br>Mục tiêu: 65 Điểm màu<br>Tối thiểu: 57 Điểm màu  |             |
| Hương vị/Mùi                | Sản phẩm phải có hương vị và mùi đặc trưng tốt, không có bất kỳ mùi vị hoặc mùi khó chịu nào. |                                                                         |             |

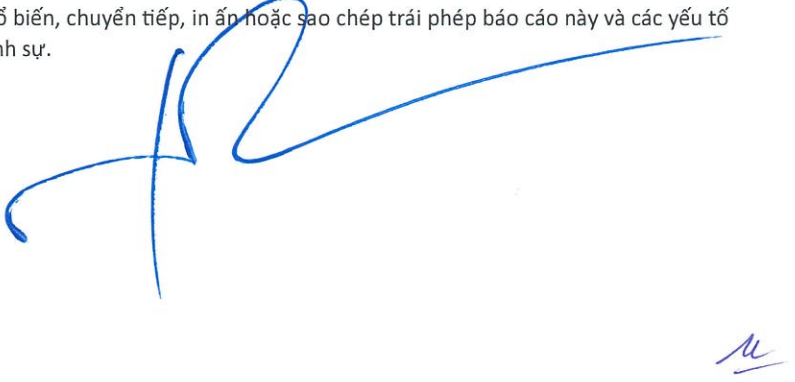
Yêu cầu về vi sinh:

| Thuộc tính                   | Mô tả thuộc tính | Giới hạn  | Đơn vị | Phương pháp |
|------------------------------|------------------|-----------|--------|-------------|
| Tổng số vi sinh vật hiếu khí |                  | < 500,000 | cfu/g  | AOAC/BAM    |
| E.coli                       |                  | < 1,000   | cfu/g  | AOAC/BAM    |
| Staphylococcus aureus        |                  | < 100     | cfu/g  | AOAC/BAM    |
| Mốc/ Men                     |                  | < 1,000   | cfu/g  | AOAC/BAM    |
| Enterobacteriaceae           |                  | < 300     | cfu/g  | AOAC/BAM    |

Chương trình kiểm soát chất lượng:

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty J.R. Simplot và các nhà cung cấp của công ty duy trì các chương trình kiểm soát chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng có trong thông số kỹ thuật sản phẩm này. Các hệ thống kiểm soát chất lượng của nhà cung cấp phải được bộ phận Q.A. của Công ty J.R. Simplot chấp thuận trước khi mua bất kỳ sản phẩm và/hoặc thành phần nào. Các chương trình như vậy yêu cầu ít nhất tỷ lệ lấy mẫu tối thiểu phải được phê duyệt bởi Bộ phận Q.A. của Công ty Simplot. Các nhà cung cấp của Công ty J.R. Simplot phải lưu giữ hồ sơ Q.C. trong hồ sơ. Các nhà cung cấp đồng ý cho Bộ phận Q.A. của Công ty J.R. Simplot quyền tiến hành kiểm tra các cơ sở để đảm bảo rằng các thông số kỹ thuật đang được tuân thủ trong quá trình sản xuất. Phải có một chương trình "truy xuất và thu hồi" hiệu quả và đã được chứng minh với chương trình theo dõi vật liệu được ghi chép từ khâu cung cấp đến khâu đóng gói và vận chuyển. Phải có danh sách liên lạc đã thiết lập để phòng trường hợp thu hồi khẩn cấp. |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

Báo cáo này và tất cả dữ liệu có trong đó đều được bảo mật và chỉ dành cho mục đích sử dụng kinh doanh chính thức của nhân viên được ủy quyền của Công ty J.R. Simplot. Nghiêm cấm xuất bản, sử dụng, phổ biến, chuyển tiếp, in ấn hoặc sao chép trái phép báo cáo này và các yếu tố dữ liệu liên quan và có thể dẫn đến trách nhiệm dân sự và/hoặc hình sự.



Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.

Người dịch

  
**Đặng Thị Hiền Mai**

**LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN**

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2024 (Ngày hai mươi một, tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Lê Như Xuân* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

**CHỨNG NHẬN**

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Anh sang tiếng Việt**.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 2 bản chính, mỗi bản gồm 3 tờ, 3 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: ...2.4106..... Quyền số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
  
*Lê Như Xuân*





## Simplot Food Group Customer Specification

SKU: 10071179053330 Simplot® Blue Ribbon™ 3/8" Straight Cut Frozen French Fries 6/2kg (9mm)

3/25/2024 11:40:12 PM

Day Code:

| Attribute | Attribute Description                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Day Code  | Line 1: BN:DDMMYYGUJ LL HH:MM (military time)("BN" stands for Batch Number and must be included at the beginning of the code) Line 2: Production Date/PKD: YYYY.MM.DD (Include the words "Production Date/PKD" in the code.) Line 3: Expiration Date/EXP: YYYY.MM.DD (Include the words "Expiration Date/EXP" in the code.) Every digit must be fully printed and easily readable. Easy open bag perforations are required for this product without printed arrows. Case code should be printed on the top part of the long panel. |

### Foreign Material Requirements:

| Attribute        | Attribute Description                              |
|------------------|----------------------------------------------------|
| Foreign Material | The product shall be free of all foreign material. |

### Physical Requirements:

| Attribute                  | Attribute Description                                                                                            | Limits                                                                   | Method |
|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------|
| Critical Defects           | any dark green                                                                                                   | Max: 0 unit(s)                                                           |        |
| Major Defects              |                                                                                                                  | Max: 9 unit(s)<br>Target: 4 unit(s)                                      |        |
| Total Defects              |                                                                                                                  | Max: 40 unit(s)<br>Target: 20 unit(s)                                    |        |
| %>=3"                      |                                                                                                                  | Target: 35 % by count<br>Min: 30 % by count                              |        |
| %<2"                       |                                                                                                                  | Max: 20 % by count<br>Target: 15 % by count                              |        |
| Frozen Product Temperature |                                                                                                                  | Max: -6 °C<br>Target: -10 °C<br>Min: -23 °C                              |        |
| Frozen Color               |                                                                                                                  | Max: 100 Color Points<br>Target: 80 Color Points<br>Min: 65 Color Points |        |
| Finished Color             |                                                                                                                  | Max: 71 Color Points<br>Target: 65 Color Points<br>Min: 57 Color Points  |        |
| Flavor/Odor                | The product shall have a good characteristic flavor and odor with no objectionable flavors or odors of any kind. |                                                                          |        |

### Microbiological Requirements:

| Attribute             | Attribute Description | M USL     | UOM   | Method   |
|-----------------------|-----------------------|-----------|-------|----------|
| Aerobic Plate Count   |                       | < 500,000 | cfu/g | AOAC/BAM |
| E. coli               |                       | < 1,000   | cfu/g | AOAC/BAM |
| Staphylococcus aureus |                       | < 100     | cfu/g | AOAC/BAM |
| Mold/Yeast            |                       | < 1,000   | cfu/g | AOAC/BAM |
| Enterobacteriaceae    |                       | < 300     | cfu/g | AOAC/BAM |

### Quality Control Programs:

J.R. Simplot Company and its suppliers maintain quality control programs that meet the quality standards contained in this product specification. Supplier quality control systems are subject to approval by the J.R. Simplot Company Q.A. department prior to the purchase of any products and/or ingredients. Such programs require at least minimal sampling rates subject to approval by Simplot Q.A. Department. Suppliers to the J.R. Simplot Company shall maintain Q.C. records on file. Suppliers agree to allow J.R. Simplot Q.A. Department the right to conduct inspection of the facilities to insure that specifications are being followed during production runs. An effective and proven "trace and recall" program with documented material tracking program from supply through packaging and shipping must be in place. An established contact list must be available in case of emergency recall.

This report and all data contained within it are confidential and intended solely for official business use by authorized employees of the J.R. Simplot Company. Unauthorized publication, use, dissemination, forwarding, printing or copying of this report and its associated data elements is strictly prohibited, and may result in civil and/or criminal liability.

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Simplot</b><br>Ruy băng xanh                                                                                                                                                                                                                                                                           | BN: 16APR24GUJ01 15:37<br>Ngày sản xuất: 2024.04.16<br>Hạn sử dụng: 2026.04.16<br>(A) Số giấy phép fssai 13324999000005<br>(B) Số giấy phép fssai 10723999001723 |
| <b>Khoai tây chiên đông lạnh cắt thẳng 3/8" (9mm)</b><br>Khoai tây đông lạnh – Siêu dài đặc biệt                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                  |
| <div>GIỮ ĐÔNG LẠNH. BẢO QUẢN<br/>TẠI HOẶC DƯỚI -18°C</div> <p>© 2024 Công ty JR Simplot. Đã đăng ký Bản quyền.<br/>Simplot® và Blue Ribbon™ là các nhãn hiệu được<br/>đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác, và thuộc<br/>quyền sở hữu của Công ty J.R. Simplot.</p> <p><b>KHỐI LƯỢNG TỊNH: 2kg</b></p> |                                                                                                                                                                  |



Chang



Tiếp thị và Sản xuất bởi:  
Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân JRS Ấn Độ  
Văn phòng đăng ký: P-24 Green Park Extension,  
New Delhi 110016  
Số giấy phép fssai 13324999000005

Đơn vị sản xuất:  
Khảo sát số - 46-49, 53-63, 72-76, 79-93, 100, 101,  
106 Làng Sabalpura, Taluka Viramgam và Khảo sát  
số - 132 Làng Jaspura, Taluka - Detroj-Rampura,  
Quận - Ahmedabad, Gujarat, 382845  
Số giấy phép fssai 10723999001723

Gửi đề xuất hoặc phản hồi của bạn tới nhân viên  
chăm sóc khách hàng tại văn phòng đăng ký: P-24  
Green Park Extension, New Delhi – 110016  
Gọi: 011-47471414  
Email: contact\_india@simplot.com  
Ghé thăm chúng tôi tại: www.simplotfoods.in

SẢN PHẨM CỦA ẤN ĐỘ

KHÔNG BÁN LẺ

www.simplotfoods.com/sea

|                              |                                                                                                                                                     |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| P-05333-00-A<br>071179053333 | Số lô (BN): xem mã in trên bao bì<br>Ngày sản xuất: năm.tháng.ngày<br>Xem mã in trên bao bì<br>Hạn sử dụng: năm.tháng.ngày<br>Xem mã in trên bao bì |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Thành phần:** Khoai tây (95%), Dầu cọ, Chất điều chỉnh độ axit (Disodium Dihydrogen Pyrophosphate), Dextrose  
**Thông tin dị ứng:** Được sản xuất tại cơ sở chế biến thực phẩm có chứa các sản phẩm lúa mì.

#### THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần mỗi gói: 20

Kích thước khẩu phần: 100g sản phẩm đông lạnh\*

|                    | Mỗi khẩu phần      | Mỗi 100g           | %RDA** | %RENI # |
|--------------------|--------------------|--------------------|--------|---------|
| Năng lượng         | 141 kcal (592 kJ)† | 141 kcal (592 kJ)† | 7.05%  | 6%      |
| Chất đạm           | 1.8g               | 1.8g               | ***    | 3%      |
| Chất béo           | 4.9g               | 4.9g               | 7.3%   |         |
| - Chất béo bão hòa | 2.5g               | 2.5g               | 11.4%  |         |
| - Chất béo trans   | 0.0g               | 0.0g               | 0%     |         |
| Cholesterol        | 0mg                | 0mg                | ***    |         |
| Carbohydrat        | 22.5g              | 22.5g              | ***    |         |
| - Chất xơ          | 1.5g               | 1.5g               | ***    |         |
| - Đường tổng số    | 0g                 | 0g                 | ***    |         |
| - Đường thêm       | 0g                 | 0g                 | 0%     |         |
| Natri              | 43mg               | 43mg               | 2.15%  |         |

† 1 kcal = 4.2kJ

\*\*%RDA dựa trên chế độ ăn 2000 kcal

\*\*\* Chưa thiết lập giá trị %RDA

# Lượng năng lượng và chất dinh dưỡng khuyến nghị, nam 19-29 tuổi  
(FNRI, Philippines)

\*Giá trị xấp xỉ

#### HƯỚNG DẪN CHẾ BIẾN

ĐỂ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM, HÃY TUÂN THEO CÁC  
HƯỚNG DẪN SAU.

ĐẢM BẢO SẢN PHẨM ĐẠT ĐƯỢC NHIỆT ĐỘ BÊN TRONG LÀ 74 °C (165 °F).

|                   | CHUẨN BỊ               | (hình ảnh<br>đồng hồ) | °C   | HƯỚNG DẪN                     |
|-------------------|------------------------|-----------------------|------|-------------------------------|
| CHIÊN NGẬP<br>DẦU | (hình ảnh<br>rổ chiên) | 2 ½ -3<br>phút        | 175° | Không đổ quá nửa giỏ<br>chiên |

#### THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

20 phần trên mỗi gói

Kích thước khẩu phần (100g)

|                                                                                                 |          |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| Số calo trong mỗi khẩu phần                                                                     | 141      |
| *Tỷ lệ nhu cầu hằng ngày                                                                        |          |
| Chất béo                                                                                        | 4.9g 7%  |
| Chất béo bão hòa                                                                                | 2.5g 13% |
| Chất béo trans                                                                                  | 0.0g     |
| Cholesterol                                                                                     | 0mg 0%   |
| Natri                                                                                           | 43mg 2%  |
| Carbohydrat                                                                                     | 22.5g 9% |
| Chất xơ                                                                                         | 1.5g 5%  |
| Đường tổng số                                                                                   | 0g       |
| Đường thêm                                                                                      | 0g 0%    |
| Chất đạm                                                                                        | 1.8g     |
| *Nhu cầu dinh dưỡng hằng ngày cho mỗi khẩu phần được dựa trên<br>chế độ ăn kiêng chứa 2000 calo |          |

Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(đã ký và đóng dấu)

HUỲNH TUYẾT PHƯƠNG

GIÁM SÁT QA

Chang

u

  
**Đặng Thi Hiền Mai**

tur)

phố Hà Nội.

101,

## CHUNG NHAN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về

Số công chứng: .....24090.....

**CÔNG CHỨNG VIỆN**



Tôi, Ngô Thị Hằng, Căn cước công dân số: 033199006938 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/7/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng **Ả Rập sang Việt**.

Người dịch

*Chang*

Ngô Thị Hằng

### LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 21 tháng 10 năm 2024 (Ngày hai mươi một tháng mười năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Lê Như Luân* - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

### CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do Ngô Thị Hằng, Căn cước công dân số: 033199006938 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 13/7/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng **Ả Rập sang tiếng Việt**

- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Ngô Thị Hằng ;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành *2* bản chính, mỗi bản gồm *3* tờ, *3* trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: *24091* Quyền số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



*Lê Như Luân*

# HÌNH ẢNH NHÃN SẢN PHẨM



